ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN THẠCH HÀ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Thạch Hà, ngày 24 tháng 8 năm 2021

ĐỀ ÁN
CƠ CẤU LẠI NGÀNH NÔNG NGHIỆP THEO HƯỚNG NÂNG CAO GIÁ TRỊ GIA TĂNG, PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG GIAI ĐOẠN 2021-2025

(Ban hành theo Quyết định số 12464/QĐ-UBND ngày 24/8/2021 của UBND huyện)

Phần thứ nhất
SỰ CẦN THIẾT VÀ CĂN CỨ PHÁP LÝ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

I. SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

Trong những năm qua, sản xuất nông nghiệp huyện nhà có nhiều chuyển biến tích cực, bước đầu phát huy được tiềm năng lợi thế của địa phương, đã hình thành một số vùng sản xuất hàng hóa tập trung, tạo ra sản phẩm có sức cạnh tranh trên thị trường. Thu hút được một số doanh nghiệp đầu tư phát triển sản xuất sản phẩm nông nghiệp hàng hóa chủ lực, ứng dụng công nghệ cao, từng bước xây dựng chuỗi liên kết, chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi, nâng cao hiệu quả trên đơn vị diện tích. Giá trị sản xuất nông, lâm, thủy sản năm 2020 đạt 3.118,2 tỷ đồng (giá hiện hành), trong đó nông nghiệp 2.625,31 tỷ đồng (trồng trọt 902,2 tỷ đồng, chăn nuôi 1.572,84 tỷ đồng, dịch vụ 150,27 tỷ đồng), thủy sản, diêm nghiệp 423,41 tỷ đồng, lâm nghiệp 69,46 tỷ đồng; Giá trị sản xuất trên đơn vị diện tích năm 2020 đạt 85,07 triệu đồng/ha.

Bên cạnh những kết quả đạt được, ngành nông nghiệp của huyện đang đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức: Quy mô đồng ruộng còn manh mún, nhỏ lẻ; kết cấu hạ tầng phục vụ sản xuất nông nghiệp chưa đồng bộ; một số sản phẩm có sản lượng lớn, chất lượng tốt, giá trị cao nhưng chưa truy xuất được nguồn gốc, chưa được chứng nhận đảm bảo tiêu chuẩn Vietgap..., chưa xây dựng được thương hiệu, nhãn hiệu nên chưa cung ứng được vào các siêu thị lớn, xuất khẩu sản phẩm...; việc huy động nguồn lực, nhất là doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp công nghệ cao còn nhiều khó khăn; chưa tạo được sự đột phá mạnh mẽ để phát triển nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa có năng suất, chất lượng, giá trị và hiệu quả cao nên thu nhập của người sản xuất vẫn còn thấp.

Vì vậy, việc xây dựng, ban hành Đề án ***"Cơ cấu lại ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững giai đoạn 2021-2025"*** là rất cần thiết.

II. CĂN CỨ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

- Nghị quyết số 26-NQ/TW, ngày 05/8/2008 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X "về nông nghiệp, nông dân, nông thôn";

- Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13/04/2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa;

- Nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 09/6/2015 của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn;

- Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn;

- Quyết định số 800/QĐ-TTg, ngày 4 tháng 6 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu Quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 – 2020;

- Quyết định số 124/QĐ-TTg ngày 02/02/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển sản xuất nông nghiệp đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030;

- Quyết định số 899/QĐ-TTg ngày 10/6/2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững;

- Quyết định số 62/2013/QĐ-TTg ngày 25/10/2013 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản, xây dựng cánh đồng lớn;

- Quyết định số 575/QĐ-TTg ngày 04/5/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc Quy hoạch tổng thể khu và vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao đến năm 2020, định hướng đến năm 2030;

- Quyết định số 1173/QĐ-CB-PC ngày 30/7/2013 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành kế hoạch hành động thực hiện đề án Tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững;

- Nghị quyết 08-NQ/TU ngày 19/5/2009 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Hà Tĩnh về nông nghiệp, nông dân, nông thôn;

- Nghị Quyết 123/2018/NQ-HĐND ngày 13/12/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh; Nghị quyết 255/2020/NQ-HĐND ngày 08/12/2020 tiếp tục thực hiện

một số chính sách khuyến khích phát triển nông nghiệp, nông thôn và cơ chế xây dựng nông thôn mới, đô thị tỉnh Hà Tĩnh.

- Quyết định số 1373/QĐ-UBND, ngày 19/5/2014 của UBND tỉnh Hà Tĩnh về việc phê duyệt Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp Hà Tĩnh theo hướng nâng cao giá trị gia tăng phát triển bền vững, gắn với xây dựng nông thôn mới;

- Quyết định 3324/QĐ-UBND, ngày 15/8/2014về phê duyệt Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp huyện Thạch Hà theo hướng nâng cao giá trị gia tăng phát triển bền vững, gắn với xây dựng nông thôn mới.

- Nghị quyết Đại hội Đại biểu huyện Đảng bộ huyện Thạch Hà lần thứ XXX về thực hiện mục tiêu, khâu đột phá trong sản xuất nông nghiệp để góp phần nâng cao thu nhập cho người dân.

Phần thứ hai
KẾT QUẢ THỰC HIỆN
CƠ CẤU LẠI NGÀNH NÔNG NGHIỆP GIAI ĐOẠN 2015-2020

I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN

1. Đánh giá khái quát những kết quả đạt được theo mục tiêu:

- Tốc độ tăng trưởng giá trị gia tăng ngành nông, lâm, thủy sản giai đoạn 2015– 2020 đạt 6,5%, (mục tiêu Đề án 5%). Giá trị sản xuất nông, lâm, thủy sản năm 2020 đạt 3.118,2 tỷ đồng, tăng 848,8 tỷ đồng so với 2015 (năm 2015 đạt 2.269,4 tỷ đồng).

- Tổng sản lượng lương thực hàng năm đạt 78.000 - 80.000 tấn (mục tiêu đề án 70.000 tấn/năm). Năm 2020 sản lượng lúa đạt gần 80.328,7 tấn. Cơ cấu 98% tỷ lệ giống ngắn ngày, năng suất, chất lượng. Giá trị sản xuất ngành trồng trọt năm 2015 đạt 638,7 tỷ đồng, năm 2020 đạt 902,2 tỷ đồng. Giá trị sản xuất trên đơn vị diện tích đất trồng trọt: năm 2015 đạt 61,15 triệu đồng/ha/năm, năm 2020 đạt 71,2 triệu đồng/ha/năm.

- Tổng giá trị sản xuất ngành chăn nuôi: năm 2015 đạt 1.134,14 tỷ đồng đến năm 2020 đạt 1.572,84 tỷ đồng, chiếm 60% giá trị trong cơ cấu nội ngành nông nghiệp, tuy nhiên do ảnh hưởng của dịch bệnh[1] nên tốc độ tăng trưởng chỉ đạt 6,7%/năm (mục tiêu Đề án trên 7%/năm). Chất lượng đàn gia súc cải thiện đáng kể, đàn lợn nái ngoại đạt 72% tổng đàn; đàn bò Zebu và bò chất lượng cao đạt 65% tổng đàn.

[1] Dịch tả lợn Châu Phi; cúm gia cầm.

- Phát triển thủy sản ổn định hướng vào chất lượng, tốc độ tăng trưởng giá trị bình quân 8,6%/năm (mục tiêu đề án 6-7%/năm). Tăng nhanh diện tích nuôi tôm, đến năm 2020 đạt 262,41ha,chiếm 23,4% tổng diện tích NTTS.

- Tái cơ cấu trên 3 vùng sinh thái của huyện dựa trên lợi thế các sản phẩm chủ lực của từng địa phương đã được khẳng định hướng đi đúng trong phát triển sản xuất.

2. Kết quả thực hiện theo từng lĩnh vực

2.1. Lĩnh vực trồng trọt:

a. Đánh giá chung:

Thực hiện thành công việc xóa bỏ trà lúa xuân sớm, bố trí trà xuân trung ở những vùng sâu trũng và bố trí chủ lực trà xuân muộn (tăng từ 65% năm 2013 lên 98,3% năm 2020); chuyển đổi mạnh mẽ bộ giống đưa vào sản xuất, từ sản xuất trên 30 giống các loại đến nay chỉ sản xuất 8 – 10 loại giống, cơ bản là các giống ngắn ngày, năng suất chất lượng cao; thực hiện Chương trình cải tạo nâng cao chất lượng, hiệu quả đất trồng lúa nước, đã tiến hành phá bỏ bờ thửa nhỏ hình thành ruộng sản xuất lớn được 665ha[2](các ruộng sau khi phá bỏ có diện tích tối thiểu 0,5ha), xây dựng mô hình tập trung tích tụ ruộng đất được 53,4ha. Diện tích sản xuất rau củ quả tập trung (từ 2ha trở lên) theo hướng Vietgap tăng nhanh qua các năm, đến nay đạt 119ha; thực hiện thành công mô hình sản xuất rau củ quả công nghệ cao trên vùng đất cát hoang hóa bạc màu ven biển;công nghệ nhà lưới nhà màng được ứng dụng nhanh vào sản xuất rau củ quả, hoa chất lượng cao;đẩy mạnh cơ giới hóa vào sản xuất, ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật như hệ thống tưới phun mưa tiết kiệm nước cho sản xuất rau củ quả (diện tích 65ha), đưa nhanh bộ giống lúa mới vào sản xuất (vụ xuân 2020 diện tích sản xuất giống mới đạt trên 2.500ha),quy trình sản xuất thâm canh lúa đạt năngsuất cao, sản xuất rau củ quả, cam đạt tiêu chuẩn Vietgap...

b. Kết quả tái cơ cấu các sản phẩm chủ lực:

- *Lúa:* Tổng diện tích sản xuất hàng năm đạt trên 15.500ha; trong đó diện tích sản xuất lúa hàng hóa, chất lượng cao đạt từ 10.500 – 11.150ha, bằng 96,5% Kế hoạch Đề án. Năm 2020, tổng diện tích 15.793,7 ha, năng suất 51,6 tạ/ha, sản lượng 80.328,7tấn, bằng 101,4% so với năm 2015; Năm 2018, thực hiện thí điểm chương trình cải tạo, nâng cao chất lượng đất chuyên trồng lúa nước, phá bỏ bờ thửa nhỏ hình thành cánh đồng lớn tại xã Thạch Xuân với diện tích 30ha,

[2]Thạch Kênh 126,5ha, Việt Tiến 19,5ha, Thạch Ngọc 14ha, Lưu Vĩnh Sơn 53ha, Thạch Xuân 90ha, Tượng Sơn 10ha, Tân Lâm Hương 55ha, Tượng Sơn 15ha, Thạch Thắng 20ha, Thị trấn 10ha, nam Điền 20ha, Thạch Liên 25ha, Đỉnh Bàn 30ha, Thạch Văn 55ha, Thạch Khê 70ha.

đến nay đã nhân rộng toàn huyện với diện tích thực hiện 665hatại 15 xã, thị trấn; xây dựng mô hình tập trung tích tụ ruộng đất, cho HTX thuê đất sản xuất với diện tích 53,4ha tại xã Lưu Vĩnh Sơn...; tổ chức liên kết theo chuỗi với Công ty TNHH MTV KC Hà Tĩnh, Công ty CP giống cây trồng Hà Tĩnh, Công ty nông nghiệp ADI sản xuất các giống lúa J02, ADI168, Nếp 98, BQ tại các xã Thạch Kênh, Thị trấn Thạch Hà, Lưu Vĩnh Sơn, Thạch Thắng, Tân Lâm Hương...

- *Lạc:*Diện tích sản xuất lạc giảm qua các năm.Năm 2020,tổng diện tích là 901ha, năng suất 22,3 tạ/ha, sản lượng 2.009,2 tấn, bằng 68% so với năm 2015; bước đầu quy hoạch một số vùng sản xuất lạc thương phẩm tập trung quy mô 5ha trở lên tại Thạch Lạc, Thạch Trị, Thạch Xuân, Thạch Thắng. Chuyển đổi bộ giống sản xuất cũ trước đây như cúc, chùm, mỡ bằng các loại giống năng suất cao nhưV79, L23, L27, L14.

- *Rau, quả thực phẩm các loại*: Diện tích sản xuất rau củ quả thực phẩm tăng qua các năm; năm 2020, diện tích sản xuất 2.435,2 ha, bằng 121,76% so với năm 2015, năng suất 63,9 tạ/ha, sản lượng 15.560,9 tấn, trong đó rau củ quả trên cát 32,5ha, tăng 15,8ha so với năm 2015. Tiếp tục nhân rộng và thực hiện có hiệu quả 39 vùng sản xuất rau củ quả theo hướng Vietgap, với diện tích 119ha(tăng 05 vùng, 26,6ha so với năm 2015); phối hợp với Trung tâm chứng nhận phù hợp thuộc Tổng cục đo lường chất lượng – Bộ Khoa học công nghệ, Công ty Cổ phần Chứng nhận và Kiểm nghiệm FAO tổ chức đánh giá cấp chứng nhận sản phẩm được sản xuất phù hợp quy trình thực hành nông nghiệp tốt (VIETGAP) cho 02 vùng sản xuất rau củ quả tại Thạch Văn và Tượng Sơn. Đẩy mạnh ứng dụng tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất, tăng nhanh diện tích sản xuất rau củ quả công nghệ cao, có hệ thống tưới tự động, sản xuất trong nhà màng năm 2015 là 2.000m^2 đến nay diện tích toàn huyện là 25.000m^2.

- Nấm ăn và nấm dược liệu:Diện tích lán trại ổn định 8.300m^2,sản lượng 80 tấn (Mộc nhĩ 15 tấn sản phẩm khô; Nấm sò 64,4 tấn sản phẩm tươi; Linh Chi 0,6 tấn sản phẩm khô).

2.2. Lĩnh vực chăn nuôi:

a. Đánh giá chung:

Trong giai đoạn 2015 - 2020, thực hiện Đề án Tái cơ cấu, huyện đã tập trungđẩy nhanh phát triển chăn nuôi tập trung tách khỏi khu dân cư theo quy hoạch được duyệt, đồng thời tổ chức lại chăn nuôi nông hộ theo hướng an toàn dịch bệnh, đảm bảo môi trường. Công tác cải tạo chất lượng giống vật nuôi được quan tâm đầu tư, đàn lợn nái ngoại đạt 72% tổng đàn, đàn bò Zebu và bò chất

lượng cao đạt 65%; toàn huyện có 6 cơ sở giết mổ gia súc tập trung, tỷ lệ gia súc giết mổ kinh doanh tại cơ sở tập trung đạt trên 98%.

Giá trị sản xuất chăn nuôi năm 2020 đạt1.572,84 tỷ đồng(giá hiện hành) tăng 35,1% so với năm 2015, tỷ trọng ngành chăn nuôi chiếm 60% trong cơ cấu nội ngành nông nghiệp. Từ đầu năm 2020 giá lợn hơi tăng cao, đồng thời dịch bệnh cơ bản được kiểm soát nên tạo điều kiện cho các cơ sở khôi phục chăn nuôi.

b. Kết quả tái cơ cấu các sản phẩm chủ lực:

- *Lợn*: Tổng đàn biến động mạnh trong giai đoạn 2015-2020, năm 2015 tổng đàn lợn đạt 78.359 con, đến năm 2019 do ảnh hưởng của dịch tả lợn Châu phi nên tổng đàn giảm còn 31.897 con, các chuỗi liên kết chăn nuôi bị phá vỡ. Từ đầu năm 2020, giá lợn hơi tăng trở lại, dịch bệnh trên địa bàn huyện cơ bản được khống chế, nên tổng đàn tăng trở lại, đến ngày 31/12/2020, tổng đàn 36.846 con riêng đàn lợn nái ngoại 5.913 con. Trong đó, khu vực trang trại tiếp tục tăng về số lượng đầu con, với tổng đàn 14.562 con (chiếm 39,5% tổng đàn lợn), gồm có 38 cơ sở chăn nuôi lợn từ 50 – 150 con; 12 cơ sở chăn nuôi từ 300 – 1.500 con; Tổng sản lượng thịt lợn hơi xuất chuồng năm 2020 đạt 11.124 tấn.

+ Kêu gọi đầu tư và hoàn thành đưa vào khai thác 02 cơ sở chăn nuôi lợn nái ngoại tại Ngọc Sơn (quy mô 300 nái) và Thạch Lưu (quy mô 600 nái), hiện nay các cơ sở đã khai thác, đi vào hoạt động ổn định, cung ứng phục vụ chăn nuôi. Tổng số cơ sở chăn nuôi lợn thịt quy mô lớn trên địa bàn toàn huyện (trên 300 con/lứa) hiện tại còn 12 cơ sở, giảm 8 cơ sở so với cùng kỳ 2016; trong đó có 12/12 cơ sở chăn nuôi theo chuỗi liên kết kép kín với doanh nghiệp;

+ Tổ chức lại chăn nuôi nhỏ lẻ trong nông hộ theo hướng liên doanh, liên kết, trong giai đoạn 2015 - 2019 thành lập được 35 THT, HTX chăn nuôi quy mô nhỏ, liên kết với doanh nghiệp. Tuy nhiên do ảnh hưởng của bệnh dịch tả lợn Châu Phi nên các chuỗi chăn nuôi liên kết quy mô nhỏ và vừa bị phá vỡ.

- *Bò:* Tập trung khai thác lợi thế vùng, phát triển đàn bò theo hướng thâm canh, nâng cao năng suất, chất lượng; tổng đàn năm 2020 đạt 21.245con, tăng4,5% so với năm 2015; sản lượng thịt hơi xuất chuồng đạt 550,5 tấn, tăng 32% so với năm 2015; tỷ lệ đàn bò lai Zebu và bò chất lượng cao chiếm 65% tổng đàn. Thu hút doanh nghiệp đầu tư, tập trung chỉ đạo phát triển chuỗi liên kết, các dự án bò giống, bò thịt chất lượng cao quy mô lớn; toàn huyện hiện có 90 cơ sở chăn nuôi bò thâm canh quy mô trên 10 con. Triển khai chương trình cải tạo, zêbu hóa đàn bò, hằng năm thụ tinh nhân tạo được trên 500 con.

- *Gia cầm:* Đàn gia cầm phát triển mạnh về quy mô, đặc biệt là chăn nuôi gà thả vườn đồi và trên cát; chuyển đổi nhanh bộ giống và hình thức nuôi. Tổng đàn năm 2020 đạt 1.558,11 nghìn con, tăng 72% so với năm 2015; Sản lượng thịt hơi xuất chuồng năm 2020 đạt 4.849,9 tấn, đạt 133,2% so với năm 2015; sản lượng trứng 66,812 triệu quả, đạt153,9% so với năm 2015. Phát triển mạnh đàn gà thịt (giống gà địa phương, gà cỏ) thả vườn đồi và trên cát theo hướng trang trại, gia trại có quy mô trên 2.000 con/lứa (có 63 trang trại, gia trại nuôi trên 2.000 con/lứa); có 03 trang trại chăn nuôi gà đẻ trứng quy mô trên 15.000 con/lứa tại Tân Lâm Hương, Việt Tiến và Lưu Vĩnh Sơn.

2.3. Lĩnh vực thủy sản:

*a. Đánh giá chung:*Phát triển nhanh hình thức nuôi tôm bán thâm canh, thâm canh, công nghiệp, nuôi tôm trên cát, nuôi cá lồng bè, chuyển mạnh từ nuôi hộ gia đình sang tổ hợp tác, hợp tác xã, doanh nghiệp; khai thác thủy sản chuyển dịch theo hướng khai thác các sản phẩm thủy sản có giá trị kinh tế cao, gắn với chế biến. Năm 2016 do ảnh hưởng của sự cố môi trường biển nên toàn bộ hoạt động nuôi trồng, đánh bắt bị ảnh hưởng nghiêm trọng, tuy nhiên từ giữa năm 2017 đến nay ngành thủy sản cơ bản đã được phục hồi sau sự cố.Năm 2019, tổng sản lượng thủy sản đạt 6.640 tấn, năm 2020 do ảnh hưởng của đợt mưa lụt tháng 10 nên tổng sản lượng thủy sản cả năm chỉ đạt 6.290 tấn bằng 94,7% so với năm 2019, bằng 112,3% so với năm 2015, giá trị sản xuất thủy sản, diêm nghiệp (giá hiện hành) đạt 423,41 tỷ đồng bằng 154,5% so với năm 2015.

a. Kết quả tái cơ cấu trên từng lĩnh vực:

- Lĩnh vực nuôi trồng: Diện tích thả nuôi tăng qua các năm, năm 2020 diện tích thả nuôi 1.120,65 ha (tăng 176ha so với năm 2015), trong đó diện tích nuôi tôm đạt trên 262,41 ha tăng 68,4 ha so với năm 2015. Phát triển nhanh hình thức nuôi tôm thâm canh, công nghệ cao, năm 2020 diện tích đạt 145,7ha, tăng 95ha so với năm 2015; Nuôi lồng bè trên sông, hồ đập giảm mạnh,giai đoạn 2013-2015 số lượng lồng bè phát triển nhiều, mật độ lồng nuôi dày cùng với sự biến đổi về môi trường, ảnh hưởng của thiên tai bão lũ nên hiệu quả nuôi cá lồng bè thấp, đặc biệt là nuôi lồng bè nước ngọt, nhiều hộ nghỉ nuôi và giảm thể tích lồng nuôi, đến năm 2020 thể tích lồng nuôi giảm còn7.749m^3, bằng 21,5% với năm 2015 (giảm 28.251m^3).

- Lĩnh vực khai thác: Hoạt động khai thác thủy sản đã được khôi phục hoàn toàn sau sự cố môi trường biển, đến nay toàn huyện 655 tàu cá có chiều dài 6m trở lên, trong đó có 5/5 tàu cá có chiều dài trên 15m được lắp đặt thiết bị giám

sát hành trình và kết nối vận hành; Sản lượng khai thác thủy sản năm 2020 đạt 4050 tấn, đạt 126,5% so với năm 2015.

- Diêm nghiệp: Diện tích sản xuất giảm mạnh qua các năm do hiệu quả từ sản xuất muối không cao, năm 2020 diện tích sản xuất 4,5ha, bằng 50% so với năm 2015.

2.4.Lĩnh vực Lâm nghiệp:

Diện tích rừng trồng tăng hàng năm, góp phần nâng độ che phủ rừng đạt trên 16,56%, bằng 110,4% so với năm 2015; Toàn huyện hiện có 8.773,25ha đất lâm nghiệp, thuộc địa bàn 16 xã, trong đó đất lâm nghiệp có rừng là 5.861,12ha. Diện tích rừng sản xuất được thực hiện giao đất gắn với giao rừng, nhằm ổn định lâu dài cho các hộ gia đình có nhu cầu phát triển kinh tế lâm nghiệp. Hệ thống tổ chức bảo vệ rừng được xác lập từ huyện đến xã và các chủ rừng.

Qua nhiều năm vừa trồng rừng vừa khai thác, đến nay toàn huyện đã có được 5.453,62ha rừng trồng (chiếm 93,05% diện tích đất đã có rừng), hàng năm trồng mới và trồng lại sau khác thác từ 220 – 560ha rừng, năm 2020 khai thác gỗ rừng trồng (chủ yếu là keo, bạch đàn) đạt 13.600 m^3; tăng 29,3% so với năm 2015; thu nhập từ rừng ngày càng nâng cao, lâm dân ngày càng chú trọng đầu tư phát triển rừng. Công tác quản lý, bảo vệ rừng được thực hiện tốt, hàng năm không để xảy ra tình trạng chặt phá trái phép.

2.5. Cải tạo vườn tạp, phát triển kinh tế vườn:

Phong trào cải tạo, chỉnh trang, phát triển kinh tế vườn được đẩy mạnh. Tăng nhanh số lượng và hiệu quả các vườn được cải tạo, chỉnh trang, phát triển kinh tế vườn. Đến nay toàn huyện thực hiện được 24.201 vườn/28.927 vườn, trong đó số vườn đã tổ chức sản xuất cho thu nhập từ 10 - 60 triệu đồng có 15.470 vườn, 1.344 vườn cho thu nhập từ trên 60 - 120 triệu đồng, đặc biệt có 180 vườn thu nhập trên 120 triệu đồng/năm. Tiêu biểu ở các xã Tượng Sơn, Ngọc Sơn, Nam Điền, Thạch Ngọc, Lưu Vĩnh Sơn, Thạch Xuân, Tân Lâm Hương.., Luỹ kế cuối năm 2020 có 102 khu dân cư mẫu và 726 vườn mẫu đạt chuẩn.

2.6. Công nghiệp chế biến, cơ giới hóa, bảo quản sau thu hoạch và ngành nghề nông thôn gắn với xây dựng sản phẩm Ocop

a. Kết quả phát triển chế biến, cơ giới hóa:

- Công nghiệp chế biến tinh sâu được quan tâm hỗ trợ đầu tư phát triển: hiện nay có hơn 50 cơ sở làm bún bánh, với công suất chế biến 15 – 20 tấn/tháng; 100 hộ chế biến nước mắm, ruốc và 04 cơ sở sản xuất kẹo lạc; 03 cơ

sở ép dầu lạc; 01 doanh nghiệp (Công ty TNHH MTV KC Hà Tĩnh) có nhà máy chế biến gạo, sản phẩm gạo được công nhận là sản phẩm Ocop 4 sao; 01 doanh nghiệp (công ty CP thương mại An Phát) chế biến sản phẩm từ gạo (cốm gạo lứt, trà gạo lứt…). Lũy kế đến nay, toàn huyện có 15 sản phẩm chế biến được công nhận là sản phẩm OCOP 4 sao, 3 sao (01 sản phẩm 4 sao, 14 sản phẩm 3 sao)[3].

- Chương trình cơ giới hóa được tiếp tục đẩy mạnh: Thông qua các chính sách (của Trung ương, tỉnh) để đưa cơ giới hóa vào nông nghiệp, đến nay toàn huyện có trên 15.802 máy nông nghiệp, trong đó có 2.659 máy làm đất, 101 máy gặt đập liên hợp, 9.470 máy gặt lúa rải hàng và máy gặt cầm tay…; nâng tỷ lệ cơ giới hóa trong khâu làm đất đạt 100%, tăng 5% so với năm 2015, thu hoạch 100%, tăng 2% so với 2015.

b. Kết quả phát triển ngành nghề nông thôn gắn với xây dựng sản phẩm OCOP.

Hiện nay trên địa bàn huyện có 11 làng nghề, nghề truyền thống, trong đó 01 làng nghề và 01 nghề truyền thống được UBND tỉnh công nhận.Nhìn chung các làng nghề, nghề truyền thống quy mô nhỏ, chưa được đầu tư bài bản; số lượng lao động thường xuyên khoảng 20 – 40 hộ/làng nghề. Các sản phẩm của làng nghề khá đa dạng, sử dụng nguyên liệu sẵn có tại địa phương, nhưng chủ yếu đang sản xuất với công nghệ thô sơ, thủ công là chính, chưa ứng dụng được các khoa học kỹ thuật để nâng cao nâng suất, chất lượng sản phẩm.

2.7. Phát triểncác hình thức tổ chức sản xuất:

- Doanh nghiệp hóa sản phẩm: Huyện luôn quan tâm, thu hút các doanh nghiệp, HTX đầu tư vào sản xuất, kinh doanh trên lĩnh vực nông nghiệp; đã tổ chức nhiều hội nghị xúc tiến đầu tư, đối thoại để kêu gọi cũng như tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc trong quá trình hoạt động. Trên địa bàn huyện hiện có 86 Hợp tác xã, 170 Tổ hợp tác và 34 Doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp, tăng 17 doanh nghiệpso với năm 2015; trong đó có 05 doanh nghiệp và 06 Hợp tác xã có đủ khả năng tổ chức liên kết sản xuất và bao tiêu sản phẩm đầu ra cho người dân. Một số sản phẩm sản xuất tại địa bàn huyện được tham gia sản phẩm Ocop của tỉnh như: Gạo Ngọc mầm (sản phẩm 4 sao) của Công ty TNHH MTV KC Hà Tĩnh sản xuất từ giống lúa J02, Bắc Hương 9 tại Thạch Vĩnh, Thị

[3]Sản phẩm đạt 4 sao: Gạo Ngọc Mầm; Sản phẩm đạt 03 sao: Cơm cháy chà bông Mộc Hương; Cốm gạo lứt Mộc Hương; Cu đơ Phong Nga; Lạc rang tỏi ớt; Nước mắm Hoài Yến; Rượu nếp Hương Bộc; Trà gạo lứt Omega An Phát; Cốm gạo lứt Omega An Phát; Bột gạo lứt Omega An Phát; Bánh ram Anh Thu; Miến gạo Hương Tâm; Bánh đa vừng Minh Thúy; Sứa ép Bãi ngang Thạch Hà.

trấn Thạch Hà, Thạch Kênh…; cốm gạo lứt, trà gạo lứt của Công ty An Phát được sản xuất từ gạo Vĩnh Hòa tại Tân Lâm Hương, Lạc rang tỏi ớt Anh Đức được sản xuất từ lạc V79, L23 tại Thạch Lạc, Thạch Trị, Thạch Văn, Bánh đa nem Anh Thu, Miến Hương Tâm được thu mua nguyên liệu trên địa bàn huyện.

- Liên kết hóa sản xuất: Liên kết trong sản xuất tăng nhanh và đa dạng hình thức, giai đoạn 2016 – 2020 có nhiều doanh nghiệp, HTX tham gia tổ chức liên kết sản xuất với người dân, tổ hợp tác, hợp tác xã như Tổng công ty Khoáng sản và Thương mại, Công ty CP thương mại Tràng An Việt Nam, Tập đoàn Nafood, Công ty Sao Đại dương, Công ty Giống cây trồng Hà Tĩnh, Công ty giống cây trồng Trung ương, Công ty TNHH MTV KC Hà Tĩnh, Công ty Cp Thương mại An Phát; Công ty Nông nghiệp ADI, HTX Quyết Tiến xã Lưu Vĩnh Sơn, HTX Đạt Lộc xã Thạch Liên, HTX Dịch vụ Tổng hợp Thạch Tiến xã Việt Tiến, HTX Huệ Hùng xã Ngọc Sơn, HTX Nông nghiệp và Dịch vụ tổng hợp Bắc Sơn xã Lưu Vĩnh Sơn, ... việc hình thành các chuỗi liên kết sản xuất đã góp phần làm tăng quy mô, hiệu quả sản xuất các sản phẩm hàng hóa chủ lực như lợn thương phẩm, rau củ quả thực phẩm, lúa...

2.8. Kết quả ứng dụng khoa học, công nghệ và hoạt động khuyến nông.

Xác định khoa học và công nghệ là động lực và then chốt để nâng cao năng suất, chất lượng, tạo bước đột phá cho tái cơ cấu nông nghiệp. Thời gian qua nhiều tiến bộ kỹ thuật, công nghệ mới được chuyển giao, ứng dụng đưa vào sản xuất góp phần tăng năng suất, chất lượng và hiệu quả kinh tế; áp dụng công nghệ nuôi lợn thịt siêu nạc, lợn nái ngoại, nuôi gà thịt an toàn sinh học, nuôi tôm trên cát, ao lót bạt an toàn sinh học, nuôi cá lồng bè trên sông; quy trình sản xuất rau, củ, quả công nghệ cao trên vùng đất cát hoang hóa ven biển đạt tiêu chuẩn VietGap, quy trình thâm canh vườn cam đạt tiêu chuẩn Vietgap; ứng dụng công nghệ vật liệu mới, công nghệ tự động vào sản xuất như: sản xuất dưa lưới, rau củ quả, hoa trong nhà màng áp dụng tưới tiêu tự động…; hàng năm đều tổ chức sản xuất thử bộ giống lúa mới để đánh giá, lựa chọn nhằm bổ sung vào bộ giống lúa chủ lực của huyện, thông qua đó đã lựa chọn được một số giống như ADI168, HN6, BQ, J02, Bắc Hương 9..

II. MỘT SỐ TỒN TẠI, HẠN CHẾ VÀ NGUYÊN NHÂN:

1. Tồn tại, hạn chế:

- Tốc độ tăng trưởng còn chưa tương xứng với tiềm năng và lợi thế của địa phương; một số sản phẩm nông nghiệp, nhất là lĩnh vực trồng trọt, quy mô sản xuất nhỏ lẻ, manh mún, sản phẩm hàng hóa chưa nhiều, phần lớn nông sản

sản xuất tiêu thụ với dạng thô, chưa được truy xuất nguồn gốc, chưa có nhãn mác, cam kết các tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm nên sức cạnh tranh trên thị trường thấp.

- Việc tập trung tích tụ ruộng đất, phá bờ thửa nhỏ hình thành ô thửa lớn mặc dù đạt được một số kết quả bước đầu, tuy vậy cơ bản đồng ruộng còn manh mún, nhỏ lẻ là rào cản lớn đối với việc áp dụng các tiến bộ khoa học vào sản xuất và đổi mới hình thức tổ chức sản xuất.

- Việc chuyển đổi cơ cấu kinh tế, cây trồng vật nuôi, áp dụng tiến bộ KHKT vào sản xuất hiệu quả chưa cao.Liên kết trong sản xuất thiếu bền vững, còn gặp nhiều khó khăn, vướng mắc; nhất là giữa THT, HTX, hộ nông với doanh nghiệp; chưa gắn kết giữa lợi ích và trách nhiệm với nhau.Bên cạnh đó, chưa có nhiều doanh nghiệp tham gia vào chuỗi sản xuất nông nghiệp.

- Việc hình thành các vùng sản xuất chuyên canh có quy mô lớn gặp nhiều khó khăn; phát triển chế biến nông, lâm, thủy sản chậm, đầu ra cho sản phẩm nông nghiệp không ổn định.

- Công tác dự tính, dự báo tình hình và phòng chống dịch bệnh đã được quan tâm, chú trong tuy nhiên vẫn còn tình trạng dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi phát sinh lây lan diện rộng, gây thiệt hại cho người sản xuất, chăn nuôi.

2. Nguyên nhân tồn tại:

- Sự cố môi trường biển năm 2016, bệnh Đạo ôn cổ bông hại lúa vụ Xuân năm 2017, bệnh dịch tả lợn Châu Phi năm 2019, đại dịch Covid-19, mưa lụt năm 2020 đã làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến đời sống người dân và kế hoạch thực hiện cơ cấu lại ngành nông nghiệp đặc biệt là chăn nuôi lợnvà thủy sản.

- Biến đổi khí hậu ngày càng hiện hữu, làm cho thời tiết khắc nghiệt, diễn biến phức tạp, khó lường ảnh hưởng đến sự sinh trưởng, phát triển của các loại cây trồng, vật nuôi.

- Tư tưởng của người dân còn mang nặng tính sản xuất truyền thống, chưa mạnh dạn tổ chức sản xuất theo hướng hàng hóa; chưa tuân thủ nghiêm túc các điều khoản ký kết sản xuất với doanh nghiệp.

- Thị trường tiêu thụ các sản phẩm khó khăn; đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp lợi nhuận thấp, rủi ro cao, thời gian thu hồi vốn chậm nên các doanh nghiệp, HTX không mặn mà đầu tư vào lĩnh vực này.

- Lao động trong lĩnh vực nông nghiệp chuyển dịch nhiều sang các ngành nghề khác, đặc biệt là lao động trẻ, có kiến thức làm ảnh hưởng đến kết quả sản xuất.

- Một số cấp ủy, chính quyền chưa thực sự sâu sát, quyết liệt trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo và triển khai thực hiện các chủ trương, đường lối, chính sách của cấp trên và các chương trình, đề án, kế hoạch phát triển ngành nông nghiệp của địa phương. Còn tư tưởng trông chờ, ỷ lại cấp trên.

- Sự phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị trong lĩnh vực nông nghiệp, nông dân, nông thôn còn thiếu đồng bộ, chưa chặt chẽ, nhất là hợp tác, liên kết với doanh nghiệp trong cung ứng vật tư, sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp; vai trò của các HTX, tổ hợp tác trong việc liên kết, định hướng và tổ chức sản xuất, tiêu thụ sản phẩm còn hạn chế.

- Chưa huy động được các nguồn lực đóng góp của doanh nghiệp và nông dân để tổ chức sản xuất nông nghiệp mang tính khoa học, bền vững về môi trường và an toàn thực phẩm cũng như đạt hiệu quả cao về kinh tế - xã hội.

Phần thứ ba

KẾ HOẠCH CƠ CẤU LẠI NGÀNH NÔNG NGHIỆPTHEO HƯỚNG NÂNG CAO GIÁ TRỊ GIA TĂNG VÀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG GIAI ĐOẠN 2021-2025

I. QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU

1. Quan điểm:

Cơ cấu lại ngành nông nghiệp là một hợp phần của tái cơ cấu tổng thể nền kinh tế, phù hợp với chiến lược và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của huyện, gắn với tổ chức thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện khóa XXX, nhiệm kỳ 2020-2025.

Cơ cấu lại ngành nông nghiệpphải đi vào chiều sâu trên cơ sở khai thác, sử dụng tiết kiệm, có hiệu quả các nguồn lực trong nông nghiệp; nâng cao giá trị gia tăng gắn liền với chú trọng phát triển các ngành nghề, dịch vụ kết hợp, nhất là sản xuất gắn với du lịch và trải nghiệm. Tập trung đầu tư, phát triển có trọng tâm, trọng điểm, ưu tiên thu hút các doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực sản xuấttrồng trọt, chăn nuôi,thủy hải sản, lâm nghiệp; phát triển các vùng sản xuất tập trung, "dồn điền đổi chủ",sản xuất hàng hóa quy mô lớn. Áp dụng nhanh các tiến bộ khoa học kỹ thuật và công nghệ tiến tiến gắn với truy xuất nguồn gốc, chứng nhận ATVSTP để nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, mở rộng thị trường tiêu thụ, tăng thu nhập, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho người dân gắn với xây dựng nông thôn mới và chương trình mỗi xã một sản phẩm

(OCOP).

2. Mục tiêu:

2.1 Mục tiêu chung:

Thực hiện cơ cấu lại ngành nông nghiệp theo hướng phát triển nông nghiệp bền vững, nâng cao chất lượng, giá trị gia tăng,thích ứng với biến đổi khí hậu, chuyển đổi từ "sản xuất nông nghiệp" sang "kinh tế nông nghiệp". Đẩy mạnh chuyển đổi số trong nông nghiệp, phát triển nông nghiệp thông minh, hiện đại, nông nghiệp sạch, nông nghiệp hữu cơ, hình thành chuỗi giá trị từ sản xuất đến tiêu dùng, các sản phẩm chủ lực có thương hiệu và khả năng cạnh tranh trên thị trường. Nâng cao thu nhập, cải thiện đời sống của dân cư nông thôn,góp phần giảm nghèo bền vững, phát triển kinh tế nông thôn, xây dựng Nông thôn mới.

2.2. Mục tiêu cụ thể:

- Duy trì tốc độ tăng trưởng giá trị nông, lâm, thủy sản đạt trên6,5%, gắn với chuyển dịch cơ cấu nội ngành theo hướng tăng tỷ trọng giá trị ngành chăn nuôi, thủy sản, dịch vụ nông nghiệp. Đến năm 2025, cơ cấu các lĩnh vực: nông nghiệp 67% (trong đó trồng trọt chiếm 32%, chăn nuôi chiếm 61%, dịch vụ 7%), thủy sản chiếm 25%, lâm nghiệp chiếm 8%; nâng cao giá trị, hiệu quả và khả năng cạnh tranh các mặt hàng nông sản; giá trị sản xuất trên đơn vị diện tích trên 115 triệu đồng/ha, phấn đấu trên 130 triệu đồng/ha.

- Các ngành hàng chủ lực:

+ Trồng trọt: sản lượng các loại cây trồng đến năm 2025: Lúa:trên 80.000 tấn, trong đó lúa chất lượng cao chiếm 75%;Rau củ quả 17.500 tấn, trong đó rau củ quả đạt tiêu chuẩn Vietgap chiếm 20%;

Diện tích cải tạo nâng cao chất lượng đất trồng lúa, phá bỏ bờ thửa nhỏ hình thành ruộng sản xuất lớn chiếm tối thiểu 25% diện tích sản xuất lúa.

+ Chăn nuôi: Tổng đàn đến năm 2025: Trâu bò 23.200 con; lợn 45.000 con; gia cầm 1,85 triệu con.

+ Thủy sản: diện tích nuôi trồng thủy sản ổn định 1.120ha, trong đó diện tích nuôi tôm thâm canh, công nghệ cao160ha, tổng sản lượng thủy sản ổn định 6.700 tấn;

+ Lâm nghiệp:hàng năm trồng mới từ 300 – 360ha rừng tập trung và khai thác 15.000m^3 – 20.000m^3 gỗ rừng trồng.

II. ĐỊNH HƯỚNG CƠ CẤU LẠI

1. Định hướng chung

- Phát triển sản xuất nông nghiệp theo hướng gắn kết với thị trường; lấy liên kết sản xuất và tiêu thụ nông sản làm trung tâm của quá trình cơ cấu lại ngành nông nghiệp; tập trung phát triển các sản phẩm hàng hóa chủ lực, xây dựng thương hiệu sản phẩm; ưu tiên các sản phẩm có lợi thế cạnh tranh như gia súc, gia cầm chất lượng cao; thủy hải sản; lúa chất lượng, rau củ quả, hoa cây cảnh. Tăng nhanh tỷ trọng giá trị chăn nuôi, thủy sản, phát triển ngành hàng chủ lực theo chuỗi giá trị gắn với tiêu thụ nông sản.

- Phát triển sản xuất gắn với đổi mới hình thức tổ chức sản xuất. Ưu tiên hướng vào phát triển hình thức tổ chức sản xuất vừa tập trung, vừa phân tán, đa dạng hóa các loại hình liên kết, bảo đảm sản phẩm của hộ nông dân, trang trại, tổ hợp tác, hợp tác xã, doanh nghiệp vừa và nhỏ sản xuất ra đều gắn kết chặt chẽ với các cơ sở thu mua, bảo quản, chế biến nông sản, các doanh nghiệp lớn, với thị trường.

- Xác định khoa học công nghệ và đổi mới tổ chức sản xuất là động lực cho tăng trưởng, nâng cao giá trị gia tăng, bảo vệ môi trường sinh thái. Phát triển sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung gắn với du lịch trải nghiệm và xây dựng nông thôn mới.

- Chú trọng khuyến khích phát triển các ngành công nghiệp và dịch vụ nông nghiệp; đẩy mạnh công nghiệp chế biến nông sản, đặc biệt là các sản phẩm chế biến từ thủy sản, lúa gạo....tạo thành các sản phẩm OCOP có giá trị kinh tế cao.

2. Định hướng cơ cấu lại theo vùng sinh thái

Khai thác tối đa lợi thế của từng vùng sinh thái; sử dụng hiệu quả nguồn lực đầu tư để hình thành và phát triển các vùng sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung, quy mô lớn, ứng dụng khoa học kỹ thuật, công nghệ tiên tiến vào sản xuất.

2.1 Vùng bán sơn địa và tây nam: gồm các xã Thạch Xuân, Nam Điền, Lưu Vĩnh Sơn, Ngọc Sơn, Thạch Ngọc. Sản phẩm chủ lực là Bò, lợn, gà thả vườn đồi, lúa, cây ăn quả, hoa cây cảnh, gỗ nguyên liệu rừng trồng.

- Rà soát quỹ đất sản xuất, ưu tiên phát triển các trang trại nông lâm kết hợp, trang trại cây ăn quả, trang trại chăn nuôi gắn với phát triển du lịch trải nghiệm. Mở rộng diện tích, sản xuất cây ăn quả *(bưởi, cam)*đạt tiêu chuẩn Vietgap, từng bước xây dựng thương hiệu cam Thạch Hà. Hình thành các mô

hình nông nghiệp thông minh gắn với chuyển đổi số. Tập trung phát triển diện tích hoa cây cảnh (Đào phai, mai vàng, hoa cúc…) tại các xã Lưu Vĩnh Sơn, Ngọc Sơn, Thạch Ngọc; xây dựng thương hiệu "Đào Phai Thạch Hà"; Tổ chức chăn nuôi*(lợn, bò, gà)* theo hướng an toàn sinh học, liên kết, đặc biệt là chăn nuôi bò nhốt, gà thịt thả vườn đồi.

- Sản xuất lúa theo hướng chất lượng cao, đủ để đáp ứng nhu cầu của người dân, mạnh dạn chuyển một số diện tích đất lúa kém hiệu quả sang trồng cỏ phục vụ chăn nuôi, trồng cây dược liệu…

- Tập trung quản lý, bảo vệ và phát triển rừng phòng hộ, phát huy diện tích rừng sản xuất, tăng nhanh sản phẩm gỗ nguyên liệu rừng.

2.2. Vùng đồng bằng và vùng giữa: gồm các xã Thạch Long, Thạch Sơn, Thạch Liên, Thạch Kênh, Việt Tiến, Tân Lâm Hương, Thạch Đài và Thị trấn Thạch Hà. Sản phẩm chủ lực gồm: lúa chất lượng cao, bò, lợn, rau củ quả, gia cầm, nuôi trồng thủy sản, nấm.

- Mở rộng diện tích lúa chất lượng cao, lúa đặc sản, sản xuất lúa hữu cơ, đạt tiêu chuẩn Vietgap; Tổ chức liên kết sản xuất gắn với chế biến và tiêu thụ sản phẩm từ lúa gạo (các sản phẩm: Gạo Ngọc Mầm, Miến gạo Hương Tâm, Cơm cháy chà bông, gạo lứt Mộc Hương, Trà, cốm gạo lứt Omega An Phát, Rượu nếp Hương Bộc). Phát triển diện tích trồng rau củ quả, nấm đạt tiêu chuẩn Vietgap, an toàn, khuyến khích các mô hình ứng dụng công nghệ cao vào sản xuất rau an toàn ở một số xã có diện tích đất màu nhiều như Thạch Liên, Tân Lâm Hương, Việt Tiến...

- Phát triển chăn nuôi công nghệ cao theo chuỗi giá trị, hình thành các vùng chăn nuôi an toàn dịch bệnh, kiểm soát chặt chẽ môi trường. Trồng cỏ chăn nuôi bò nhốt.

- Ứng dụng tiến bộ kỹ thuật xây dựng các mô hình nuôi đối tượng mới có giá trị kinh tế cao trong nuôi trồng thủy sản nhằm nâng cao giá trị sản xuất phát huy tối đa lợi thế NTTS tại các xã Thạch Kênh, Thạch Liên, Thạch Long, Thạch Sơn, Thị trấn Thạch Hà…

2.3. Vùng bãi ngang ven biển: gồm các xã Thạch Khê, Đỉnh Bàn, Thạch Hải, Thạch Văn, Thạch Hội, Thạch Trị, Thạch Lạc, Thạch Thắng, Tượng Sơn. Sản phẩm chủ lực gồm Tôm nuôi, gia cầm, rau củ quả, thủy hải sản có giá trị kinh tế cao, lợn, bò, lạc, lúa.

Rà soát lại diện tích NTTS, tập trung phát triển nuôi Tôm thâm canh, công nghệ cao, an toàn sinh học. Ứng dụng khoa học công nghệ, sản xuất rau củ quả đạt tiêu chuẩn VietGap, liên kết sản xuất theo hướng hàng hóa, đặc biệt ưu tiên rau củ quả trên cát.Tiếp tục tập trung, tích tụ ruộng đất, liên kết sản xuất lúa, lạc theo chuỗi giá trị; Đưa nhanh bộ giống lúa chất lượng cao, vào các địa phương có truyền thống thâm canh như Tượng Sơn, Thạch Hội, Thạch Lạc, Thạch Khê…Chăn nuôi theo hướng an toàn sinh học, bảo vệ môi trường.

3. Định hướng cơ cấu lại theo lĩnh vực

Trên cơ sở định hướng cơ cấu lại, sẽ xây dựng kế hoạch chi tiết thực hiện từng lĩnh vực, gồm: Kế hoạch phát triển ngành Trồng trọt giai đoạn 2021-2025; Kế hoạch phát triển ngành Chăn nuôi giai đoạn 2021-2025; Kế hoạch phát triển ngành Thủy sản giai đoạn 2021-2025; Kế hoạch phát triển ngành Lâm nghiệp giai đoạn 2021-2025; Kế hoạch Tập trung, tích tụ ruộng đất, sản xuất theo cánh đồng lớn giai đoạn 2021 – 2025; Kế hoạch khôi phục và phát triển làng nghề, làng nghề truyền thống, nghề truyền thống huyện Thạch Hà giai đoạn 2021-2025.

(Chi tiết theo phụ lục 09)

3.1. Trồng trọt: Sản phẩm chủ lực gồm: Lúa chất lượng cao, Rau củ quả, Lạc, Cây ăn quả (cam, bưởi), Hoa cây cảnh, Nấm.

Ngành trồng trọt đẩy mạnh chuyển đổi số trong nông nghiệp, hình thành các vùng nông nghiệp thông minh, hiện đại. Tập trung sản xuất cánh đồng lớn, tăng năng suất, chất lượng, liên kết với các doanh nghiệp theo chuỗi giá trị. Chuyển diện tích trồng lúa hiệu quả thấp sang trồng cây thức ăn phục vụ phát triển chăn nuôi và rau củ quả, cây dược liệu.

Tạo điều kiện, khuyến khích các tổ chức, cá nhân tập trung tích tụ ruộng đất; có cơ chế cho thuê, chuyển nhượng, góp đất sản xuất lúa, rau củ quả, cây có múi, cây dược liệu theo hướng công nghệ cao.

Sử dụng bộ giống có năng suất, chất lượng cao; sản xuất theo hướng Vietgap, đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm để nâng cao khả năng cạnh tranh của sản phẩm trên thị trường.

3.1.1. Cây lúa:

- Giảm diện tích gieo cấy lúa bình quân hàng năm từ 15.710ha/năm xuống còn 15.610ha/năm vào năm 2025; tăng năng suất và tăng sản lượng phấn đấu đến năm 2025 đạt trên 80.000 tấn; trong đó diện tích sản xuất lúa chất lượng cao 11.800ha/năm.

- Tiếp tục thực hiện mạnh mẽ chương trình cải tạo nâng cao chất lượng đất chuyên trồng lúa nước, phá bỏ bờ thửa nhỏ hình thành cánh đồng lớn, liên kết sản xuất với doanh nghiệp; tập trung thực hiện tích tụ ruộng đất, 'dồn điền đổi chủ', cho doanh nghiệp, HTX thuê đất; sử dụng 100% bộ giống năng suất, chất lượng, ngắn ngày. Tạo điều kiện thuận lợi để kêu gọi, thu hút doanh nghiệp; phát triển doanh nghiệp, tư thương theo hướng liên kết lâu dài với người sản xuất theo chuỗi giá trị sản phẩm. Phấn đấu lũy kế đến năm 2025, diện tích sản xuất theo cánh đồng lớn là 2.410ha (trong đó thực hiện mới trong giai đoạn 2021 – 2025 là 1.750ha), liên kết doanh nghiệp theo chuỗi 1000ha.

- Chuyển diện tích trồng lúa ở những vùng khó khăn về thủy lợi, hiệu quả thấp sang trồng cây thức ăn phục vụ phát triển chăn nuôi, sản xuất rau củ quả, cây dược liệu.

3.1.2 Cây Lạc:

- Ổn định diện tích sản xuất lạc bình quân hàng năm 900ha; sản lượng ổn định trên 2.600 tấn, trong đó diện tích sản xuất tập trung (từ 5ha trở lên) là 300ha vào năm 2025.

- Tổ chức sản xuất theo hướng cánh đồng lớn (mở rộng quy mô tối thiểu từ 5ha, liền vùng trở lên), liên kết với doanh nghiệp.

- Sử dụng bộ giống có năng suất, chất lượng để nâng cao khả năng cạnh tranh của sản phẩm trên thị trường.

3.1.3 Rau củ quả:

- Tăng diện tích sản xuất rau, củ quả thực phẩm lên 2.500ha vào năm 2025, trong đó diện tích sản xuất đạt tiêu chuẩn Vietgap đạt từ 30-50ha.

- Thực hiện có hiệu quả các vùng sản xuất rau đã được quy hoạch (quy mô từ 02ha trở lên), đầu tư cơ sở hạ tầng, sản xuất theo hướng Vietgap, ứng dụng công nghệ cao, có truy xuất nguồn gốc, đảm bảo an toàn thực phẩm cho người tiêu dùng và tiếp tục duy trì sản xuất rau củ quả công nghệ cao trên đất cát hoang hóa ven biển.

- Tổ chức sản xuất liên kết với các doanh nghiệp theo chuỗi giá trị; ưu tiên các tổ chức, cá nhân tích tụ, tập trung ruộng đất sản xuất thông qua việc đầu tư vốn, công nghệ và tiêu thụ sản phẩm đầu ra.

3.1.4 Cam, bưởi *(định hướng tại 05 xã vùng trà sơn):*

- Ổn định diện tích 150ha đến năm 2025.

- Tập trungsản xuất thâm canh diện tích cây cam, bưởi; khôi phục và nhân giống cam chanh chất lượng cao; Thành lập các THT, Hợp tác xã sản xuất cam đạt tiêu chuẩn Vietgap, xây dựng phát triển theo chuỗi liên kết với doanh nghiệp gắn với xây dựng nhãn mác, thương hiệu cam Thạch Hà và tham gia chương trình OCOP.

3.1.5 Hoa cây cảnh: Tập trung khai thác tối đa tiềm năng và lợi thế của các địa phương, tận dụng quỹ đất có khả năng sản xuất để trồng hoa cây cảnh. Đưa trồng hoa cây cảnh thành một nghề phát triển bền vững tại các địa phương, có khối lượng hàng hóa lớn, đủ sức cạnh tranh,từng bước xây dựng thương hiệu "Đào phai Thạch Hà"nhằm nâng cao giá trị cây đào. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ cao, công nghệ mới trong sản xuất (nhà lưới, nhà màng, ứng dụng công nghệ sinh học, công nghệ tưới tiết kiệm nước...); tăng cường liên kết, hợp tác thành lập các tổ chức, doanh nghiệp chuyên sản xuất hoa, cây cảnh để cung cấp cho thị trường trong và ngoài tỉnh.Góp phần chuyển dịch cơ cấu cây trồng theo hướng sản xuất hàng hóa, nâng cao giá trị kinh tế trên một đơn vị diện tích; tạo thêm việc làm và thu nhập cho người lao động.

Phấn đấu diện tích trồng hoa cây cảnh 110ha đến năm 2025, với các đối tượng chính là: cây đào cảnh, cây mai, hoa cúc, hoa ly lyđồng thời du nhập thêm một số đối tượng như hoa lan (lan treo và lan Mokara), hoa hồng, đồng tiền, trong đó diện tích sản xuất trong nhà màng 03ha.

3.1.6 Nấm ăn và nấm dược liệu:

Duy trì các cơ sở, HTX sản xuất nấm hiện có trênđịa bàn, hình thành các trang trại nuôi trồng nấm mới trên cơ sở liên kết giữacác doanh nghiệp với nông hộ để sản xuất quy mô lớn, tập trung sản xuất tại các địa phương đang có các cơ sở, mô hình sản xuất nấm hiệu quả. Hỗ trợ và giúp đỡ người dân sản xuất nấm mở rộng quy mô trêncơ sở mặt bằng, nguyên liệu và nhân công hiện có, để tiến tới phát triển thànhcác gia trại, trang trại. Phấn đấu đến năm 2025 diện tích lán trại sản xuất nấm 10.000m^2.

3.2. Chăn nuôi: Sản phẩm chủ lực gồm Lợn, Bò, Gà

Chăn nuôi theo hướng liên kết, chuyển dịch chăn nuôi nhỏ lẻ nông hộ trong khu dân cư sang chăn nuôi tập trung, tách khỏi khu dân cư để đảm bảo môi trường; chỉ đạo thực hiện quyết liệt việc tổ chức lại chăn nuôi trong nông hộ; bố trí địa điểm, xây dựng chuồng trại chăn nuôi theo mô hình quy chuẩn gắn với chỉnh trang vườn hộ, xây dựng khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu; chuyển

dần từ hình thức giết mổ trên sàn sang giết mổ treo, cách sàn để đảm bảo vệ sinh thú y, an toàn thực phẩm, bảo vệ môi trường.

3.2.1 Chăn nuôi Lợn: Tập trung chỉ đạo khôi phục lại đàn lợn sau Dịch tả lợn Châu Phi phấn đấu đến năm 2025 đạt 45.000 con, trong đó chăn nuôi tập trung chiếm trên 20% tổng đàn; sản lượng thịt hơi xuất chuồng trên 12.500 tấn, giá trị sản xuất chiếm 50-55% giá trị nội ngành chăn nuôi.

- Tập trung phát triển chăn nuôi trong nông hộ theo hướng ưu tiên đảm bảo vệ sinh môi trường, an toàn sinh học, phát triển bền vững; thành lập Tổ hợp tác, Hợp tác xã liên kết với các cơ sở chăn nuôi lợn nái trên địa bàn và các doanh nghiệp, tập đoàn kinh tế lớn theo hình thức khép kín (doanh nghiệp cung ứng dịch vụ đầu vào và bao tiêu sản phẩm đầu ra); chỉnh trang, xây dựng chuồng trại chăn nuôi theo mô hình quy chuẩn do Sở NN&PTNT ban hành;

3.2.2 Chăn nuôi Bò: phấn đấu tổng đàn năm 2025 đạt 23.200 con; giá trị sản xuất đàn bò đạt 10 – 15% trong nội ngành chăn nuôi; tiếp tục phát triển đàn bò cả về số lượng và chất lượng;

- Chuyển từ chăn nuôi nhỏ lẻ, phân tán sang hình thức chăn nuôi trang trại, gia trại thâm canh chuyên thịt; chăn nuôi nhốt và bán chăn thả. Kêu gọi đầu tư phát triển các trang trại chăn nuôi bò tập trung quy mô lớn tách khỏi khu dân cư tại các vùng đã được quy hoạch.

- Tập trung cải tạo chất lượng đàn bò theo hướng bò thịt chất lượng cao bằng phương pháp phối tinh nhân tạo với bò có ¾ máu ngoại, bò lai zebu.

- Tổ chức lại chăn nuôi trong nông hộ theo hướng đảm bảo vệ sinh môi trường, phát triển bền vững; bố trí chuồng trại hợp lý; hình thành tổ hợp tác, hợp tác xã chăn nuôi bò thịt, tạo khối lượng sản phẩm hàng hóa lớn, ổn định liên kết với doanh nghiệp, cơ sở thu mua, các đầu mối tiêu thụ lớn.

***3.2.3 Chăn nuôi gia cầm*:**Phấn đấu tổng đàn năm 2025 là 1,85 triệu con, sản lượng thịt hơi 4.900 tấn và sản lượng trứng 67 triệu quả; Giá trị sản xuất chiếm 30 – 35% trong nội ngành chăn nuôi.

- Phát triển chăn nuôi gà thịt giống địa phương thả vườn đồi, cát ven biển (chiếm trên 60% tổng đàn gà); khuyến khích nuôi vịt đẻ, gà đẻ theo hình thức trang trại công nghiệp, bán công nghiệp và chăn nuôi có kiểm soát, đạt tiêu chuẩn VietGAHP.

- Hình thành các vùng chăn nuôi gia cầm tập trung ở vùng ven trà sơn, cát ven biển tạo ra khối lượng hàng hóa lớn, sản phẩm đồng nhất liên kết với doanh nghiệp, cơ sở thu mua, tiêu thụ sản phẩm.

3.3. Thủy sản: Sản phẩm chủ lực là Tôm và các loại thủy hải sản có giá trị cao.

Phát triển nuôi trồng thủy sản theo hướng an toàn, bền vững, sử dụng các giống chất lượng cao, trong đó con tôm là chủ lực.Ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật từ khâu xử lý ao hồ, lồng bè, giống, thức ăn và các khâu kỹ thuật khác để nâng cao chất lượng sản phẩm, tăng lợi nhuận. Tổ chức lại hoạt động khai thác thủy sản vùng lộng, ven bờ và khai thác nội địa hợp lý.

- *Nuôi trồng, khai thác thủy sản :* Diện tích nuôi trồng ổn định 1.120ha, sản lượng nuôi 3.000 tấn; sản lượng khai thác 3.700 tấn. Duy trì đội tàu khai tháccó chiều dài 6m trở lên là 655 chiếc, khai thác thủy sản tuân thủ quy tắc ứng xử nghề cá có trách nhiệm, chống khai thác thủy sản bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định kết hợp bảo vệ nguồn lợi thủy sản.

- *Tôm:* Phát triển nuôi tôm bền vững theo hướng an toàn dịch bệnh và bảo vệ môi trường, tăng cường ứng dụng công nghệ mới, tiên tiến, thân thiện với môi trường và thích ứng với biến đổi khí hậu, sử dụng các chế phẩm sinh học trong xử lý môi trường, phòng trừ dịch bệnh, hạn chế tối đa các loại hóa chất để nâng cao chất lượng sản phẩm.Phấn đấu diện tích nuôi ổn định 265ha, trong đó nuôi thâm canh, công nghệ cao là 160ha.

3.4. Lâm nghiệp: Sản phẩm chủ lực là gỗ nguyên liệu rừng trồng

- Hàng năm trồng mới và trồng lại sau khai thác từ 300- 360ha rừng tập trung; năng suất rừng trồng sản xuất tăng 1,5 lần và có khoảng 35% diện tích được sử dụng giống cây lâm nghiệp gỗ lớn vào năm 2025; gỗ rừng trồng khai thác hằng năm đưa vào chế biến đạt 15.000 - 20.000m^3.

- Tập trung quản lý và sử dụng bền vững diện tích rừng hiện có theo quy hoạch; thay thế diện tích rừng kém hiệu quả bằng rừng có năng suất cao, tạo vùng nguyên liệu tập trung, chuyên canh có quy mô vừa và nhỏ để cung cấp nguyên liệu gỗ cho công nghiệp chế biến và nhu cầu của ngành tiểu thủ công nghiệp, trong đó cây keo là cây chủ lực. Chuyển đổi một số diện tích rừng có hiệu quả thấp sang trồng cam, bưởi.

III. CÁC GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Công tác thông tin, tuyên truyền.

- Tập trung đổi mới phương thức để nâng cao hiệu quả công tác thông tin, tuyên truyền, phổ biến Đề án này đến các phòng, ban, ngành, đoàn thể cấp huyện; Đảng ủy, UBND các xã, thị trấn và thôn, xóm, người dân; thông qua nhiều hình thức như: qua hội nghị, tập huấn, định kỳ tuyên truyền trên đài truyền

thanh - truyền hình huyện; các trang thông tin điện tử, mạng xã hội, hệ thống phát thanh xã, thị trấn và thôn xóm nhằm thống nhất về quan điểm chỉ đạo, nội dung thực hiện phát triển sản xuấttừ huyện đến tận người dân. Xác định việc thực hiện thắng lợi Đề án Phát triển sản xuất nâng cao thu nhập là nhiệm vụ trọng tâm trong thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội.

- Tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền, phổ biến hướng dẫn các cơ chế chính sách của Trung ương, tỉnh, huyệnvề hỗ trợ phát triển nông nghiệp, nông thôn đến tận người dân để người dân biết và tranh thủ các nguồn hỗ trợ, xây dựng các mô hình phát triển sản xuất, nâng cao thu nhập.

2. Quy hoạch và quản lý quy hoạch

Đẩy mạnh chuyển đổi số trong nông nghiệp,lồng ghép, đưa các quy hoạch phát triển nông nghiệp phù hợp quy hoạch phát triển kinh tế xã hội của tỉnh và quy hoạch vùng của huyện đến năm 2025 định hướng đến năm 2030, quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021-2025, quản lý chặt chẽ, tổ chức phát triển sản xuất theo quy hoạch được duyệt.

3. Cũng cố, nâng cao hiệu quả hoạt động quản lý nhà nước về nông nghiệp.

- Tiếp tục đẩy mạnh công tác đào tạo nâng cao trình độ đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức quản lý nhà nước về lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn ở huyện, xã. Nâng cao hiệu quả, hiệu lực hoạt động Trung tâm Ứng dụng KHKT và Bảo vệ cây trồng vật nuôi huyện nhằm để thực hiện tốt nhất về hỗ trợ, chuyển giao, ứng dụng công nghệ và dịch vụ cho người nông dân trong sản xuất nông nghiệp.

- Tập trung hướng dẫn, đổi mới phát triển mạnh hệ thống Hợp tác xã nông nghiệp để thực hiện dịch vụ theo chuỗi giá trị sản phẩm (từ giống, phân bón, bảo vệ thực vật, khuyến nông, kiểm tra chất lượng nông sản, thị trường tiêu thụ..). Tiếp tục kêu gọi các doanh nghiệp, tập đoàn kinh tế lớn trực tiếp đầu tư sản xuất nông nghiệp thông qua đầu tư vốn, công nghệ sử dụng lao động tại địa phương và liên kết sản xuất với người dân thông qua Hợp tác xã, Tổ hợp tác.

- Tăng cường năng lực cho hệ thống kiểm tra, kiểm nghiệm, chất lượng, an toàn vệ sinh thực phẩm (con người và trang thiết bị) đối với vật tư nông nghiệp và sản phẩm nông nghiệp, đảm bảo quyền lợi cho người tiêu dùng và nâng cao chất lượng, giá trị hàng hóa.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, dự tính, dự báo tình hình dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi để kịp thời tổ chức phòng, chống, dập dịch, đảm bảo an toàn cho sản xuất.

4. Tiếp tục đẩy mạnh chuyển đổi cơ cấu cây trồng, bộ giống, quy trình kỹ thuật, phương thức sản xuất; ứng dụng mạnh mẽ khoa học kỹ thuật; mở rộng quy mô các chuỗi liên kết sản xuất và các sản phẩm hàng hóa nông nghiệp chủ lực theo liên kết vùng.

4.1. Trồng trọt:

- Kiên trì chỉ đạo sản xuất theo hướng cánh đồng lớn, "dồn điền đổi chủ", tập trung liên kết với doanh nghiệp; áp dụng quy trình sản xuất theo hướng Vietgap cho sản xuất rau củ quả; quy trình thâm canh lúa cải tiến (SRI). Giảm số lượng bộ giống lúa sử dụng trên cùng một cánh đồng sản xuất, tăng tỷ lệ sử dụng giống chủ lực, ngắn ngày (chiếm trên 99%).

- Xây dựng và bố trí khung lịch thời vụ, phù hợp cho từng vụ, từng loại cây trồng. Kiên quyết chỉ đạo thực hiện chuyển đổi diện tích trồng lúa tại những vùng cao cưỡng, có nguy cơ thiếu nước và sản xuất kém hiệu quả sang trồng rau củ quả, cây thức ăn chăn nuôi, dược liệu… nhằm khai thác hiệu quả tiềm năng đất đai, lao động để nâng cao giá trị gia tăng trên đơn vị diện tích.

- Kêu gọi, khuyến khích các tổ chức, cá nhân tập trung, tích tụ ruộng đất để hình thành các vùng sản xuất tập trung, hàng hóa gắn với phát triển sản phẩm chủ lực theo liên kết vùng.

- Ứng dụng công nghệ cao cho các vùng sản xuất rau củ quả, mở rộng sản xuất trong hệ thống nhà lưới, nhà màng; ứng dụng công nghệ tưới tự động, tiết kiệm nước trong sản xuất rau, cây ăn quả...Tăng nhanh diện tích sản xuất đạt tiêu chuẩn Vietgap, sản phẩm có truy xuất nguồn gốc....

- Sử dụng bộ giống có năng suất, chất lượng cao để nâng cao khả năng cạnh tranh của sản phẩm trên thị trường. Hằng năm tổ chức khảo nghiệm, sản xuất thử bộ giống để bổ sung vào bộ giống chủ lực của huyện.

4.2 Chăn nuôi:

- Giống: Chỉ đạo các trang trại chăn nuôi lợn nái ngoại trên địa bàn huyện cung cấp con giống và bao tiêu sản phẩm lợn thương phẩm cho các HTX, THT chăn nuôi quy mô nhỏ và vừa trên địa bàn. Tiếp tục đẩy mạnh chương trình Zebu hóa đàn bò, chương trình phối giống bò chất lượng cao.

Quản lý chặt chẽ chất lượng con giống, tuyên truyền, vận động, hướng dẫn nhân dân không sử dụng gà, vịt thương phẩm để làm giống. Kiểm soát

nghiêm ngặt các cơ sở ấp trứng gia cầm, sản xuất và cung ứng giống trên địa bàn.

- Tuyên truyền, hướng dẫn các hộ chăn nuôi nhỏ lẻ trong khu dân cư, xây dựng, bố trí chuồng trại chăn nuôi theo mô hình quy chuẩn do Sở NN&PTNT ban hành để đảm bảo môi trườnggắn với chỉnh trang vườn hộ, xây dựng khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu; tiếp tục áp dụng các quy trình, công nghệ nuôi công nghiệp, quy trình thực hành chăn nuôi tốt, quy trình chăn nuôi "cùng vào, cùng ra".

- Tăng cường quản lý, chấn chỉnh công tác bảo vệ môi trường tại các cơ sở, vùng chăn nuôi tập trung và chăn nuôi lợn trong nông hộ, xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm.

- Triển khai hiệu quả kế hoạch tiêm phòng văc xin cho gia súc, gia cầm hằng năm; áp dụng quy trình kiểm dịch, kiểm soát chặt chẽ gia súc, gia cầm lưu hành trên địa bàn; theo dõi giám sát tình hình dịch bệnh, phát hiện sớm, bao vây, khoanh vùng, dập tắt dịch không để dịch lan rộng.

- Giám sát chặt chẽ hoạt động kiểm soát giết mổ, kinh doanh động vật và sản phẩm động; hoạt động của các cơ sở giết mổ tập trung, đưa tỷ lệ gia súc vào giết mổ tập trung đạt 100%.

4.3. Lâm nghiệp:

- Thực hiện tốt giải pháp kỹ thuật khoanh nuôi, bảo vệ rừng tự nhiên; quản lý bảo tồn đa dạng sinh học. Triển khai các biện pháp kỹ thuật lâm sinh trong trồng, chăm sóc, bảo vệ rừng, trồng bổ sung và nâng cấp chất lượng rừng; đẩy mạnh áp dụng quy trình kỹ thuật trồng rừng thâm canh đối với rừng nguyên liệu. Khuyến khích phát triển lâm nghiệp đa chức năng, trồng rừng kết hợp chăn nuôi, trồng cây ăn quả. Tăng cường công tác quản lý, bảo vệ rừng, phòng cháy chữa cháy rừng.

4.4 Thủy sản:

- Ban hành và triển khai thực hiện đề án, lịch thời cho các đối tượng nuôi, đến từng vụ nuôi cụ thể. Phân công cán bộ kỹ thuật trực tiếp hướng dẫn, chỉ đạo thực hiện tốt quy trình, kỹ thuật nuôi, chú trọng áp dụng các quy trình nuôi an toàn sinh học, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm.

- Tập trung phát triển nuôi tôm thâm canh, công nghiệp, công nghệ cao và các đối tượng thủy sản nuôi có giá trị kinh tế cao, liên kết với các doanh nghiệp, hợp tác xã theo chuỗi giá trị.

- Ứng dụng các nghề mới, kỹ thuật tiên tiến vào khai thác. Tăng cường phổ biến các quy định về bảo vệ nguồn lợi thủy sản; kiểm soát hoạt động khai thác thủy sản trên sông, trên biển.

5. Đẩy mạnh tích tụ, tập trung ruộng đất sản xuất hàng hóa quy mô lớn, gắn với chuyển dịch cơ cấu lao động nông thôn

- Khuyến khích, tạo điều kiện về cơ chế, chính sách cho doanh nghiệp đầu tư vào sản xuất nông nghiệp thông qua việc thuê đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất từ người dân.

- Hình thành các tổ hợp tác, hợp tác xã sản xuất nông nghiệp liên kết với doanh nghiệp thông qua việc người dân tự nguyện góp đất, cùng tiến hành sản xuất theo hợp đồng với doanh nghiệp để nâng cao hiệu quả sản xuất.

- Kiên quyết khắc phục tình trạng lãng phí, chậm phát huy hiệu quả và việc giao, cho thuê đất manh mún, nhỏ lẻ ở những vùng đất còn có tiềm năng phát triển.

6. Tăng cường xúc tiến thương mại, xây dựng thương hiệu, quản lý chất lượng sản phẩm và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể

- Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Chương trình Ocop, tập trung làm tốt công tác quảng bá, giới thiệu các sản phẩm nông nghiệp chủ lực; hỗ trợ doanh nghiệp tham gia giới thiệu, quảng bá các sản phẩm tại các hội chợ; Xây dựng mô hình hội quán đối với sản phẩm dưa lưới tại xã Lưu Vĩnh Sơn

- Khuyến khích, hỗ trợ doanh nghiệp, người sản xuất nghiên cứu thông tin, dự báo, điều chỉnh phương án sản xuất gắn với tín hiệu thị trường; xây dựng chuỗi liên kết phát triển sản xuất, chế biến sâu, đẩy mạnh các hoạt động xúc tiến thương mại.

- Tạo môi trường thuận lợi, kêu gọi, thu hút các doanh nghiệp đầu tư phát triển sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm theo chuỗi; mỗi sản phẩm hàng hóa nông nghiệp chủ lực gắn với một số doanh nghiệp, tập đoàn lớn làm "đầu kéo" tạo động lực thúc đẩy sản xuất phát triển.

- Tăng cường công tác quản lý kiểm tra, kiểm soát chất lượng sản phẩm nông sản; xây dựng và nhân rộng mô hình kiểm soát, quản lý chất lượng nông sản theo chuỗi, áp dụng triệt để các tiêu chuẩn VietGAP,...

- Chú trọng phát triển các loại hình kinh tế hợp tác hoạt động sản xuất chuyên ngành gắn với cung ứng dịch vụ nông nghiệp tổng hợp theo chuỗi giá trị sản phẩm từ cung cấp dịch vụ đầu vào (làm đất, giống, vật tư nông nghiệp… đến chế biến và phát triển thị trường, hỗ trợ tín dụng nội bộ cho các thành viên).

- Tiếp tục hướng dẫn các HTX hoạt động theo Luật Hợp tác xã năm 2012. Tăng cường sự lãnh, chỉ đạo của các cấp ủy, chính quyền để giúp các hợp tác xã tháo gỡ khó khăn và tạo điều kiện để các hợp tác xã nông nghiệp tổ chức hoạt động có hiệu quả.

7. Giải pháp về xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất

- Bố trí và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực hỗ trợ từ ngân sách của Trung ương, tỉnh và thu hút mọi nguồn lực đầu tư; thực hiện lồng ghép các chương trình, nguồn vốn đầu tư để xây dựng hạ tầng phục vụ sản xuấtnhư hệ thống thủy lợi, giao thông nội đồng, đường điện.

- Tiếp tục vận động, thu hút đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng nông nghiệp, phục vụ sản xuất, thích ứng với biến đổi khí hậu; trong đó tập trung ưu tiên đầu tư cho các dự án, các công trình phục vụ phát triển sản phẩm nông nghiệp hàng hóa chủ lực, như: Hạ tầng khu chăn nuôi tập trung; hạ tầng cánh đồng lớn, hạ tầng nuôi tôm thâm canh công nghiệp, hệ thống tưới tiết kiệm cho sản xuất rau củ quả, hệ thống nhà màng..Khuyến khích đầu tư máy móc, thiết bị, đẩy mạnh áp dụng cơ giới hóa trong các khâu sản xuất, thu hoạch, sơ chế, bảo quản để nâng cao chất lượng sản phẩm và tăng hiệu quả sản xuất.

8. Giải pháp đào tạo nguồn nhân lực

- Đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ quản lý nhà nước và cán bộ khoa học- kỹ thuật trong lĩnh vực nông nghiệp, ứng dụng công nghệ cao.

- Tăng cường đào tạo, nâng cao nhận thức của tổ chức, cá nhân về sản xuất hàng hóa chất lượng cao gắn với truy xuất nguồn gốc và sức cạnh tranh của sản phẩm hàng hóa trên thị trường.

- Thực hiện tốt đề án đào tạo nghề cho lao động nông thôn, từng bước xã hội hoá công tác đào tạo nghề; Đổi mới chương trình, nội dung, phương pháp đào tạo nghề cho nông dân phù hợp với nhu cầu phát triển sản xuất nông sản hàng hóa theo vùng (Đào tạo kỹ thuật trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng và khai thác thủy sản… cho các vùng sản xuất, chăn nuôi, nuôi trồng…….), tránh trường hợp đào tạo, tập huấn các nội dung không thiết thực, nhân dân chưa cần thiết.

9. Giải pháp về phát triển nghề, làng nghề nông thôn

Bảo tồn và phát triển nghề, các làng nghề hiện có, phát triển thêm làng nghề mới làm nòng cốt cho phát triển ngành nghề nông thôn nhằm góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn, tạo việc làm tăng thu nhập cho lao động

nông thôn, góp phần giữ gìn và phát huy bản sắc văn hoá dân tộc. Phát triển làng nghề chú trọng xây dựng nhãn hiệu hàng hóa cho các sản phẩm làng nghề; khuyến khích thành lập các doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác trong làng nghề; Tổ chức đào tạo, nâng cao tay nghề và năng lực quản lý cho các cơ sở, từng bước xây dựng được đội ngũ nghệ nhân và thợ kỹ thuật lành nghề, huy động nguồn vốn, đẩy mạnh ứng dụng tiến bộ kỹ thuật và cơ giới hóa một số công đoạn sản xuất phục vụ duy trì và phát triển các làng nghề trên địa bàn huyện.

Trong giai đoạn 2021 - 2025 tập trung khôi phục và phát triển các làng nghề: Làng nghề nón lá thôn Thống Nhất xã Việt Tiến, với sản phẩm nón lá thủ công mỹ nghệ; làng nghề mây tre đan xã Thạch Liên, với các sản phẩm gia dụng và đan lát mỹ nghệ; làng nghề sản xuất muối xã Đỉnh Bàn, với sản phẩm muối sạch;làng nghề chế biến thủy sản xã Thạch Hải, với sản phẩm ruốc, nước mắm, các loại sản phẩm hải sản chế biến khô; làng nghề trồng hoa cây cảnh xã Lưu Vĩnh Sơn, với sản phẩm cây đào cảnh, hoa các loại; làng nghề truyền thống sản xuất trống thôn Bắc Thai xã Thạch Hội, với sản phẩm là trống da bò với nhiều loại kích cỡ; Làng nghề sản xuất bánh bún xã Việt Tiến, với sản phẩm bánh đa, bánh đúc, miến gạo; làng nghề truyền thống đan lát thôn Nam Giang xã Thạch Long, với các sản phẩm gia dụng và đan lát mỹ nghệ; làng nghề bún bánh Thị trấn Thạch Hà với sản phẩm bún và bánh mướt; Nghề nề Đỉnh Hòe xã Đỉnh Bàn với các Doanh nghiệp, Tổ thợ hoạt động chuyên nghiệp trong lĩnh vực xây dựng công trình dân dụng và công trình tâm linh (đã được công nhận).

10. Giải pháp vềcơ chế, chính sách.

- Chủ động triển khai cụ thể hóa các cơ chế, chính sách của nhà nước về nông nghiệp, nông thôn, đồng thời thực hiệnlồng ghép các nguồn vốn của các chương trình, mục tiêu quốc gia, các chương trình, dự án hỗ trợ có mục tiêu… trên địa bàn huyện nhằm thu hút doanh nghiệp, tập đoàn kinh tế trong và ngoài tỉnh đầu tư vào phát triển nông nghiệp hàng hóa chủ lực gắn với ứng dụng chuyển giao tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất.

- Tập trung huy động, thực hiện đa dạng hóa các nguồn lực đầu tư cho phát triển nông nghiệp, nông thôn; hỗ trợ từ ngân sách nhà nước tạo điều kiện thúc đẩy, huy động các nguồn lực đầu tư xã hội, phát huy nội lực từ chính người nông dân và sự tham gia của doanh nghiệp, tổ chức; thúc đẩy các hình thức đầu tư có sự tham gia giữa nhà nước và tư nhân để huy động nguồn lực xã hội và nâng cao hiệu quả vốn đầu tư.

- Triển khai thực hiện có hiệu quả các chính sách của Trung ương, của tỉnh, huyệnđã ban hành:Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13/4/2015 của Chính Phủ về việc quản lý, sử dụng đất trồng lúa; Nghị định 62/2019/NĐ-CP ngày 11/7/2019 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều Nghị định số 35/2015/NĐ-CP; Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 5/7/2018 của Chính Phủ chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết gắn sản xuất với tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp; Nghị quyết 123/2018/NQ-HĐND ngày 13/12/2018 của HĐND tỉnh Hà Tĩnh; Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 29/12/2020 của HĐND huyện Thạch Hà...

Phần thứ tư

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. UBND huyện tổ chức triển khai thực hiện Đề án có hiệu quả; Thành lập Ban chỉ đạo thực hiện Đề án và phân công nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên thường xuyên theo dõi, kiểm tra, đôn đốc các xã, thị trấn thực hiện đúng tiến độ, đảm bảo chất lượng các mục tiêu kế hoạch đề ra; Hướng dẫn thực hiện các cơ chế, chính sách đảm bảo phát triển sản xuất nông nghiệp trên địa bàn huyện đạt hiệu quả cao, bền vững; phối hợp chặt chẽ với MTTQ, các tổ chức đoàn thể triển khai thực hiện; định kỳ hàng năm tổ chức sơ kết, tổng kết đánh giá rút kinh nghiệm.

2. Cấp ủy, chính quyền các xã, thị trấn tổ chức quán triệt sâu rộng nội dung của Kế hoạch đến toàn thể cán bộ, đảng viên và nhân dân, xây dựng kế hoạch, chương trình hành động cụ thể, sát tình hình và điều kiện thực tế của địa phương, đơn vị để tập trung chỉ đạo; định kỳ báo cáo kết quả thực hiện Đề án.

3. Đề nghị Uỷ ban MTTQ và các đoàn thể tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật và các quy định liên quan về phát triển sản xuất nông nghiệp nâng cao thu nhập nhằm nâng cao nhận thức của cán bộ, đảng viên và các hộ dân về mục đích, vai trò, ý nghĩa và tầm quan trọng của phát triển nông nghiệp trong phát triển kinh tế, xã hội.

4. Trung tâm Văn hóa – Truyền thông huyện tăng cường thời lượng phát tin, bài về thực hiện Đề án cơ cấu lại ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững giai đoạn 2021-2025, những kinh nghiệm, cách làm hay trong sản xuất, công tác quản lý, kinh doanh, dịch vụ nông nghiệp./.